**LỒNG RUỘT CẤP Ở TRẺ BÚ MẸ**

Nguồn: test sưu tầm, cấp cứu ngoại khoa tập 1, bài giảng ngoại khoa tập 1

1. **Lồng ruột cấp tính thường xảy ra ở bé trai nhiều hơn bé gái vì:**

1. Bé trai thường quấy phá hơn bé gái
2. Ruột ở bé trai kích thước lớn hơn bé gái
3. Hạch mạc treo hồi tràng bé trai dễ bị viêm hơn bé gái
4. Nhu động ruột ở bé trai mạnh hơn bé gái
5. Áp lực ở bụng của bé trai cao hơn ở bé gái

2. **Lồng ruột do giun đũa trên lâm sàng thuộc loại:**

1. Lồng hồi manh tràng
2. Lồng đại - đại tràng
3. Lồng ruột kiểu cuốn chiếu
4. Lồng ruột kiểu giật lùi
5. Lồng ruột kiểu thắt nghẹt

3. **Cấu tạo của khối lồng khi bổ dọc, chọn đáp án sai**

1. Ống vỏ ngoài là ống ruột dưới chứa khối ruột lồng vào
2. ống vỏ trong : là ruột lồng vào
3. Ống vỏ giữa: được hình thành từ ống vỏ trong lồng vào
4. Đầu khối lồng là điểm mút của ống vỏ ngoài và ống vỏ giữa
5. Cổ khối lồng là điểm mút của ống vỏ trong và ống vỏ giữa

4.**Theo vị trí khối lồng thì loại lồng nào hay gặp nhất**

1. Lồng ruột non
2. Lồng ruột già
3. Lồng ruột non với ruột già
4. Lồng ruột già với ruột non

5. **Biểu hiện khách quan nhất được ghi nhận ngay sau khi tháo lồng bằng hơi trong điều trị lồng ruột cấp là:**

1. Bụng bệnh nhi tròn đều
2. Áp lực đồng hồ tháo trụt đột ngột
3. Xã hơi ra bụng không xẹp
4. Sờ không được búi lồng
5. Có hình tổ ong trên phim X quang ruột

6. **Trong các dữ kiện sau đây, dữ kiện nào là cơ sở chính yếu để chỉ định phẫu thuật tháo lồng:**

1. Bệnh nhân đến muộn sau 24 giờ
2. Bệnh nhân đi cầu ra máu nhiều
3. Siêu âm bụng búi lồng lớn và nằm ở cao
4. X quang bụng có các mức hơi nước
5. Khám trực tràng có nhiều máu dính găng

7. **Về dịch tễ học, chọn sai**

1. Thường xảy ra ở trẻ bụ bẫm
2. hay gặp vào mùa hè
3. Liên quan đến các bệnh lý như ỉa chảy, viêm đường hô hấp
4. Hay gặp ở trẻ bú sữa mẹ

8. **Triệu chứng của lồng ruột sớm là**

1. Khóc thét từng cơn
2. Nôn thưc ăn
3. Ỉa máu nâu đen nhiều lần
4. Toàn thân ít thay đổi

9. **Lồng ruột cấp thường xảy ra ở trẻ bụ bẩm, khoẻ mạnh hơn ở trẻ suy dinh dưỡng là vì:**

1. Trẻ thường hay nhiễm siêu vi hơn
2. Trẻ thường hay viêm hạch mạc treo hơn
3. Trẻ có nhu động ruột mạnh hơn
4. Trẻ thường quấy phá nhiều hơn
5. Trẻ có khẩu kính của ruột lớn hơn.

10. **Triệu chứng muộn của lồng ruột là**

1. Nôn ra nước mật, nước phân
2. Ỉa máu nâu đen nhiều lần
3. Dấu hiệu mất nước rõ
4. Bụng chướng,khó sờ thây khối lồng
5. Thăm trực tràng sờ thấy đầu khối lồng
6. Tất cả đều đúng
7. Không phái tất cả đều đúng

11. **Lồng ruột gây nên tắc ruột do cơ chế :**

1. Bít lòng ruột
2. Thắt nghẹt
3. Liệt ruột
4. Bít và thắt nghẹt
5. Liệt và phù nề ruột

12. **Lồng ruột cấp gặp cao nhất trong độ tuổi :**

1. 2-4 tháng
2. 4-8 tháng
3. 8-12 tháng
4. 12-24 tháng
5. 24-36 tháng

15. **Cơ chế thắt nghẹt ruột và hoại tử ruột trong lồng ruột cấp là do ruột bị chèn ép bởi:**

1. Lớp áo ngoài
2. Lớp áo giữa
3. Lớp áo trong
4. Cổ lồng
5. Đầu lồng

16. **Lồng ruột cấp thường xảy ra ở vùng hồi manh tràng vì :**

1. Đây là vùng giàu tổ chức bạch huyết
2. Đây là ranh giới giữa đoạn cố định và di động
3. Chênh lệch khẩu kính giữa hồi và manh tràng
4. Van hồi manh tràng thường là chỗ hẹp gây cản trở nhu động
5. Tất cả đều đúng

17. **Trường hợp ruột thừa nằm ngoài khối lồng Khi :**

1. Lồng hồi-manh tràng
2. Hồi-hồi-manh tràng
3. Hồi-đại tràng
4. Hồi-manh-đại-tràng
5. Hồi-manh-đại-đại tràng

18. **Trong các thể lồng ruột cấp sau đây thể nào có nguy cơ gây hoại tử cao nhất:**

1. Lồng hồi-manh tràng
2. Lồng hồi-manh-đại tràng
3. Lồng hồi-đại tràng
4. Lồng hồi-hồi-manh tràng
5. Lồng hồi-manh-đại-đại tràng

19. **Lý do vào viện thường gặp ở bệnh lồng ruột cấp là :**

1. Đau bụng khóc thét
2. Nôn mửa
3. Bỏ bú
4. Bí trung đại tiện
5. Đi cầu ra máu

20. **Tam chứng lâm sàng kinh điển của lồng ruột là, chọn sai**

1. Đau bụng cơn
2. Nôn
3. Khóc thét,chổng mông
4. Ỉa máu

21. **Chỉ định tháo lồng bằng hơi cần đắn đo cẩn thận trong trường hợp :**

1. Lồng ruột cấp đến sớm trước 24 giờ
2. Lồng ruột cấp sau 24 giờ
3. Lồng ruột cấp tái phát lần thứ ba
4. Lồng ruột cấp có biến chứng
5. Lồng ruột bán cấp

22. **Dấu hiệu gơi ý cho chẩn đoán lồng ruột cấp là :**

1. Khóc thét
2. Đi cầu ra máu
3. Nôn mửa dữ dội
4. Bỏ bú
5. Sờ được búi lồng

23. **Hình ảnh khối lồng trên siêu âm là**

1. Cắt ngang: hình vòng bia, vòng tròn trong ít âm, vòng tròn ngoài đậm âm
2. Cắt dọc: Bánh sandwich: khối đậm âm ở ngoài bên trong là khối ít âm
3. Cả 2 đều đúng
4. cả 2 đều sai

24. **Các dấu hiệu sau đây, dấu hiệu nào là biểu hiện muộn của lồng ruột cấp :**

1. Nôn mửa nhiều
2. Đi cầu ra máu nhiều
3. Bụng chướng nhiều
4. Quấy khóc nhiều
5. Sờ hố chậu phải rỗng

25. **Các dấu hiệu sau đây, dấu hiệu nào chỉ phát hiện trong giai đoạn sớm của lồng ruột cấp :**

1. Bụng chướng
2. Hố chậu phải rỗng
3. Sờ được búi lồng
4. Đi cầu ra máu
5. Bóng trực tràng rỗng + có máu dính găng

26. **Khi đã chẩn đoán lồng ruột cấp thái độ xử trí là**

1. hồi sức, giảm đau
2. Tháo lồng càng sớm càng tốt
3. Mổ càng sớm càng tốt
4. Xử trí càng sớm càng tốt, có 2 phương pháp điều trị

27. **Trong khi mổ, phẫu thuật viên thường đánh giá tình trạng nặng của hoại tử ruột do biến chứng muộn lồng ruột nhanh dựa vào :**

1. Mùi thối của ruột non
2. Màu đen của hoại tử
3. Tình trạng mạch máu nuôi dưỡng muộn
4. Sự thay đổi màu sắc khi ủ ấm hoặc phong bế Novocaine vào gốc mạc treo
5. Tình trạng nhu động của ruột thương tổn

28. **Tai biến vỡ ruột cần xử lý ngay vì nguy cơ :**

1. Viêm phúc mạc
2. Chèn ép cơ hoành
3. Chảy máu
4. Chèn ép các mạch máu lớn
5. Choáng không hồi phục

29. **Cơ chế chính gây đi cầu ra máu trong lồng ruột cấp là :**

1. Nứt thành ruột
2. Tổn thương các mạch máu mạc treo
3. Tổn thương các mao mạch ở niêm mạc
4. Rối loạn đông máu
5. Tổn thương phối hợp

30. **Những loại lồng ruột sau đây, loại nào thường dễ thất bại khi tháo lồng bằng hơi :**

1. Lồng hồi-manh tràng
2. Lồng hồi-manh-đại tràng
3. Lồng hồi-manh-đại-đại tràng
4. Lồng đại-đại tràng
5. Lồng hồi-hồi tràng

31. **Kỹ thuật tháo lồng bằng hơi, chọn sai**

1. Tiền mê hoặc gây mê
2. Bơm hơi 100-200mmHg vào đại tràng
3. Theo dõi trên lâm sàng, siêu âm, màn huỳnh quang
4. Phát hiện các biến chứng

33. **Về dấu hiêu ỉa máu , chọn ý sai**

1. Có thể ỉa máu đỏ tươi hoặc nâu đen tùy thời gian sớm hay muộn
2. Xuất hiện trung bình 9-10h sau đau bụng đầu tiên
3. Trẻ càng nhỏ dấu hiệu ỉa máu càng sơm
4. Ỉa máu xuất hiện > 5h và máu càng đen thì thường khối lồng thường chặt khó tháo

34.**Dấu hiệu thực thể có giá trị nhất để chẩn đoán lồng ruột cấp là**

1. Sờ thấy hình quai ruột nằm theo khung đại tràng, ấn đau
2. Hố chậu phải rỗng
3. Thăm trực tràng có máu
4. Ấn đau khắp bụng, phản ứng thành bụng rõ

35. **Lồng ruột cấp ở trẻ bú mẹ có liên quan đến viêm hạch mạc treo do adeno-virus:**

1. Đúng
2. Sai

36. **Lồng ruột cấp ở trẻ bú mẹ ngày nay được chẩn đoán sớm hơn nhờ phương tiện chẩn đoán cận lâm sàng phổ biến:**

1. Đúng
2. Sai

37. **Những lồng ruột có dấu tắc ruột thì chống chỉ định tháo lồng bằng thủ thuật:**

* 1. Đúng
  2. Sai

38. **Khi tháo lồng bằng tay, phẫu thuật viên thường phải bóp ruột theo chiều của nhu độg ruột:**

1. Đúng
2. Sai

39. **Lồng ruột kiểu giật lùi không có chỉ định tháo lồng bằng thủ thuật:**

* 1. Đúng
  2. Sai

40. **Lồng ruột cấp thường xảy ra theo tỷ lệ nào sau đây giữa bé trai và bé gái:**

A.    1/3.

B.     1/2.

C.     1/1.

D.    2/1.

E.     3/1.

 41. **Lồng ruột cấp gặp cao nhất trong độ tuổi nào sau đây:**

A.    1-4 tháng.

B.     4-8 tháng.

C.     8-12 tháng.

D.    12-16 tháng.

E.     16-24 tháng.

 42. **Trong các loại lồng ruột sau đây,loại nào là do nguyên nhân nguyên phát:**

A.    Lồng ruột do polype.

B.     Lồng ruột do túi thừa meckel.

C.     Lồng ruột do viêm hạch mạc treo.

D.    Lồng ruột do búi giun.

E.     Lồng ruột do khối u.

 43. **Loại virus nào sau đây được xem là có liên quan đến lồng ruột nguyên phát:**

A.    Entero-virus.

B.     Adéno-virus.

C.     Rotano-virus.

D.    Alphano-virus.

E.     Megalo-virus.

 48.   **Biến chứng nào sau đây sẽ xảy ra nếu lồng ruột ở trẻ bú mẹ bị bỏ sót:**

A.    Tắc ruột.

B.     Hoại tử ruột.

C.     Viêm phúc mạc.

D.    Nhiễm độc.

E.     Tất cả đều đúng.

 49. **Trong các thành phần của búi lồng ruột ở trẻ bú mẹ sau đây, thành phần nào là nguyên nhân chính đã gây ra những rối loạn của bệnh:**

A.    Đầu lồng.

B.     Cổ lồng.

C.     Lớp áo ngoài.

D.    Lớp áo giữa.

E.     Lớp áo trong.

 50. **Lý do nào sau đây giải thích cho thấy vì sao lồng ruột ở trẻ bú mẹ thường xảy ra ở vùng hồi-manh tràng:**

A.    Đây là vùng giàu tổ chức bạch huyết và nhạy cảm với viêm nhiễm.

B.     Đây là vùng ranh giới giữa hai đoạn ruột di động và cố định.

C.     Đây là vùng hay có những phản hồi nhu động của đoạn cuối hồi tràng.

D.    Có một chổ hẹp tự nhiên ở Bauhin rất dể tạo khởi điểm của lồng ruột.

E.     Tất cả đều đúng.

51. **Lồng ruột cấp tính có đặc điểm là:**

A. Chủ yếu gặp ở trẻ em

B. Có thể gặp ở người trưởng thành

C. Có thể gặp ở bất cứ mùa nào trong năm

D. A và C đúng.

E. Tất cả đều đúng

52. **Lồng ruột là một trong những nguyên nhân của:**

A. Tắc ruột cơ học.

B. Tắc ruột cơ năng

C. Xoắn ruột

D. A và B đúng

E. A và C đúng

53. **Đặc điểm lâm sàng của lồng ruột cấp ở trẻ nhũ nhi là:**

A. Thường xảy ra đột ngột hay có tiền sử viêm long hô hấp trên trước đó

B. Trẻ khóc ưỡn người và nôn sau bú

C. Thường nôn dịch mật vàng

D. A và B đúng.

E. Tất cả đều đúng

54. **Các yếu tố tiên lượng thành công trong tháo lồng bằng hơi:**

A. áp lực giảm đột ngột

B. Bụng tròn đều

C. Không còn sờ thấy khối lồng

D. Tất cả đều đúng.

E. Tất cả đều sai

55. **Kỹ thuật tháo lồng ruột bằng hơi có nhược điểm là:**

A. Không thấy được tiến triển của khối lồng được tháo

B. Phơi nhiễm bởi tia X

C. Không có dầu hiệu khách quan về tháo lồng

D. A và B đúng

E. A và C đúng.

56.

57. **Chống chỉ định tuyệt đối tháo lồng bằng hơi:**

A. Bệnh nhi có biểu hiện mất nư ớc rõ nhiễm trùng, nhiễm độc.

B. Bệnh nhi đại tiện phân máu nhiều

C. Bệnh nhi đến muộn sau 24 giờ

D. Viêm phúc mạc hoặc tắc ruột rõ

58.**Yếu tố lâm sàng có giá trị tiên lượng khối lồng tháo rõ là, chọn sai**

1. Trẻ càng nhỏ, đặc biệt < 4 tháng
2. Thời gian lồng ruột sớm
3. Ỉa máu xuất hiện sớm, đặc biệt <=5h
4. Đã có dấu hiệu tắc ruột hoặc viêm phúc mạc

59.**Giá trị tiên lượng của siêu âm , khối lồng chặt khi**

1. Đường kính khối lồng >=35mm
2. Chiều dày thành ruột lồng>8mm
3. Có dịch trong lòng khối lồng và dịch tự do ổ bụng
4. Tất cả đều đúng
5. Không phải tất cả đều đúng

.

60. **Nguyên tắc chung phẫu thuật trong tháo lồng cấp tính ở trẻ nhũ nhi là:**

A. Tháo lồng ruột và giải quyết nguyên nhân

B. Cắt ruột thừa

C. Cố định hồi manh tràng

D. A và B đúng.

E. Tất cả đều đúng

61. **Kết quả khách quan nhất được ghi nhận ngay sau khi tháo lồng bằng hơi thành công trong điều trị lồng ruột cấp là:**

A. Bụng bệnh nhi tròn đều

B. áp lực đồng hồ tháo trụt đột ngột.

C. Xả hơi ra bụng không xẹp

D. Sờ không được búi lồng

E. Có hình tổ ong trên phim X quang bụng không chuẩn bị

62. **Trong các dữ kiện sau đây, dữ kiện nào là cơ sở chính yếu để chỉ định phẫu thuật tháo lồng:**

**A. Bệnh nhân đến muộn sau 24 giờ**

B. Bệnh nhân có biểu hiện viêm phúc mạc.

C. Siêu âm bụng búi lồng lớn và nằm ở cao

D. X quang bụng có các mức hơi nước

E. Khám trực tràng có nhiều máu dính găng

63.**Chụp X quang bụng có bơm barit hoặc hơi vào đại tràng có thể thấy hình ảnh , trừ**

1. Đáy chén
2. Càng cua
3. Vòng bia
4. Cắt cụt

**64.Giá tri của siêu âm trong chẩn đoán và điều trị lồng ruột cấp**

1. Chẩn đoán xác định
2. Tìm nguyên nhân
3. Kiểm tra kết quả tháo lồng
4. Tiên lượng lồng chặt hay lỏng
5. Điều trị
6. Tất cả đều đúng
7. Không phải tất cả đều đúng

65.**Chẩn đoán xác định lồng ruột trong những tình huống sau**

1. Đau bụng cơ+ nôn+ khối lồng
2. Đau bụng cơn+ khối lồng
3. Đau bụng cơn+ nôn+ỉa máu
4. Đau bụng cơn+ chẩn đoán hình ảnh có khối lồng
5. Lâm sàng bình thường + chẩn đoán hình ảnh có khối lồng
6. Không phải tất cả đều đúng
7. Tất cả đều đúng

66.**Các biến chưng sau mổ**

1. Viêm phúc mạc
2. Tắc ruột
3. Chảy máu trong ổ bụng
4. Bục thành bụng
5. Sổ thành bụng
6. Nhiễm trùng vết mổ
7. Không phải tất cả đều đúng
8. Tất cả đều đúng

Đáp án chỉ có giá trị tham khảo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | A |  | D |  | D E |  | C |  | E |  | D |
|  | B |  | C |  | C |  | E |  | D |  | B |
|  |  |  |  |  | D |  | E |  | C |  | C |
|  | A |  | C |  | D |  | E |  | D |  | C |
|  | B |  | D |  | B |  | A |  | E |  |  |
|  | B |  |  |  | D |  | A |  | A |  | A |
|  | B |  | B |  | B |  | D |  | B |  | C |
|  | B |  |  |  |  |  |  |  |  |  | E |
|  | B |  | E |  | A |  | E |  | D |  | D |
|  | E |  |  |  | D |  | B |  | D |  | A |
|  | E |  | BD |  | D |  | F |  | G |  | H |